

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2024/DS - PT

Ngày: 30/5/2024

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào
ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 907/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Phan B, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Ông Phan C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Văn H - Văn phòng Luật sư Hồng Trần . Địa chỉ: 3 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Đình H1 - Công ty L. Địa chỉ: B P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Phan Thị B2, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Bà Phan Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, uỷ quyền cho ông Phan B, ông B có mặt.

+ Bà Phan Thị Diễm M. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Ông Phan Thiên B3. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đã có văn bản uỷ quyền cho bà B1, bà B1 có mặt.

+ Ông Phan Thiên R. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Công K - Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện P. Địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Nguyễn Thị B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguồn gốc nhà đất tranh chấp tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m² tọa lạc tại địa chỉ thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do cụ ông Phan Thiên T (tên gọi khác là Phan Thị , đã mất năm 1994), cụ bà Nguyễn Thị D (mất năm 2010) tạo lập từ trước năm 1950. Trên đất có 01 ngôi nhà diện tích khoảng 70m² do các cụ xây dựng. Việc này được ghi nhận trong Bản đồ 299 và Sổ đăng ký ruộng đất. Khi mất, hai cụ không để lại di chúc nhưng hiện nay, thửa đất này thuộc sở hữu và đứng tên bà Nguyễn Thị B1, là vợ của ông Phan S (con trai của hai cụ).

Nay các nguyên đơn khởi kiện đề nghị Toà án phân chia di sản thừa kế và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 06, diện tích 495m², do UBND huyện P cấp ngày 31/5/2002, số phát hành R 072426 đã cấp cho ông Phan S, Nguyễn Thị B1. Bởi vì, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P không xác minh đầy đủ nguồn gốc, đối tượng sử

dụng đất nên đã cấp Giấy chứng nhận không đúng. Trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có kê khai nguồn gốc đất của ông Phan S là do cha mẹ để lại, tuy nhiên cụ Phan T, Nguyễn Thị D mất đều không để lại di chúc, chính quyền địa phương không làm thủ tục phân chia thừa kế mà đã cấp cho ông S, bà B1 là không đúng quy định của pháp luật.

Cụ ông Phan T, cụ bà Nguyễn Thị D có 06 người con:

+ Bà Phan Thị D1, đã chết năm 1969 khi chưa có gia đình;

+ Ông Phan B sinh năm 1950;

+ Bà Phan Thị B2, sinh năm 1954;

+ Ông Phan C, sinh năm 1957;

+ Bà Phan Thị N, sinh năm 1963;

+ Ông Phan S, đã chết năm 2019. Có vợ là Nguyễn Thị B1, có 03 người con là Phan Thiên B3, Phan Thiên R và Phan Thị Diễm M.

Các nguyên đơn khởi kiện mong muốn được nhận phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và góp chung để làm nơi thờ phụng cha mẹ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B1 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tại Bản tự khai ngày 07/6/2023 và tại phiên toà:

Nguồn gốc nhà đất tranh chấp đúng là của cụ Phan T và cụ Nguyễn Thị D, tuy nhiên hai cụ đã cho ông Phan S, việc này đã lập thành văn bản. Cụ thể, tại Giấy giao quyền sử dụng được lập ngày 15/12/1992 do cụ Phan T, cụ Nguyễn Thị D cùng ông Phan B, Phan C đã ký tặng cho ông Phan S quyền sử dụng hai căn nhà lớn, nhỏ và toàn bộ khu đất. Ngoài ra, trong văn bản có nhân chứng kí xác nhận là ông Phan V, ông Phan V1 (bà con trong gia đình) và 02 người láng giềng là ông Trần C1, ông Trần Bích .1 Nay, ông Phan V, ông Phan V1, ông Trần C1 đã mất, ông Trần B4 vẫn còn sống, nếu cần thiết có thể triệu tập tới để làm chứng.

Năm 2002, vợ chồng bà tiến hành đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 06, diện tích 495m² sau khi ông Phan S qua đời vào năm 2019. Đến năm 2022, các con của ông S, bà B1 là anh Phan Thiên B3, anh Phan Thiên R và chị Phan Thị Diễm M mới lập thủ tục từ chối nhận thừa kế và thống nhất thửa đất đứng tên bà Nguyễn Thị B1, vì vậy bà mới làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất của ông Phan Sáu .2 Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị B2, Phan Thị N thống nhất như ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phan Thiên R và chị Phan Thị Diễm M thống nhất như ý kiến của bị đơn. Riêng anh Phan Thiên B3 đã có văn bản uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị B1.

Đại diện UBND huyện P trình bày ý kiến tại Công văn số 1342/UBND-TNMT ngày 18/9/2023:

Kết quả kiểm tra hồ sơ lưu trữ:

- Ngày 31/5/2002, UBND huyện P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 072426 cho ông Phan S, bà Nguyễn Thị B1 tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 06, diện tích 495m² loại đất ở và đất nông nghiệp, tọa lạc tại thôn A, xã P theo quy định của Luật đất đai 1993 và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hiệu lực thi hành tại thời điểm thực hiện.

- Ngày 31/3/2002, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P xác nhận: Thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1.

- Về nội dung khởi kiện: UBND huyện đề nghị Toà án xét xử theo quy định của pháp luật.

UBND huyện giao nộp cho Toà án bản sao hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1, bao gồm:

+ Đơn xin đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan S;

+ Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất;

+ Sổ đăng ký ruộng đất;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện P cấp ngày 31/5/2002, số phát hành R 072426 đã cấp cho ông Phan S, Nguyễn Thị B1.

+ Thông báo nộp tiền của cá nhân đối với bất động sản;

+ Chính lý chủ sử dụng đất đối với thửa số 302, tờ bản đồ số 6;

+ Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất;

+ Tờ khai nộp thuế;

+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất;

+ Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế;

+ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai;

+ Tờ khai những người thừa kế theo pháp luật của ông S;

+ Giấy cam đoan tặng cho tài sản trên đất của bà B1;

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế của đã quyết định:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015, khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30-8-1990, Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với bất động sản là quyền sử dụng đất.

Áp dụng Điều 611, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên:

1. Huỷ Giấy CNQSD đất số R 072426 ngày 31/5/2002 mà UBND huyện P đã cấp cho ông Phan S, bà Nguyễn Thị B1 tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6, có ghi diện tích 495m² loại đất ở 400m² và đất nông nghiệp 95m², tọa lạc tại thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B1 về việc xác định: Bản viết tay Giấy giao quyền sử dụng được lập ngày 15/12/1992 của cụ Phan Thiên T, cụ Nguyễn Thị D đối với vợ chồng ông S và Bản đánh máy Giấy giao quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D đối với ông Phan S được lập ngày 30/9/2004 để thụ hưởng di sản thừa kế của cụ Phan Thiên T, cụ Nguyễn Thị D.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phan B, ông Phan C.

+ Về di sản thừa kế: cụ Phan Thiên T, cụ Nguyễn Thị D trước khi chết có tạo lập khối tài sản gồm: nhà đất tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m² loại đất ở và đất nông nghiệp (Diện tích đất theo hiện trạng là 488m² loại đất ở 400m² và đất nông nghiệp 88m²) tọa lạc tại thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do giá trị ngôi nhà không đáng kể nên các đương sự không yêu cầu chia. Về giá trị quyền sử dụng đất là: 2.928.000.000đồng (hai tỷ chín trăm hai mươi tám triệu đồng). Và giá trị ngôi nhà là 32.022.367 đồng.

Tổng giá trị di sản của cụ Phan Thiên T, cụ Nguyễn Thị D là: 2.960.022.367 đồng.

+ Về hàng thừa kế: gồm có ông Phan B sinh năm 1950; Bà Phan Thị B2, sinh năm 1954; Ông Phan C, sinh năm 1957; Bà Phan Thị N, sinh năm 1963;

Và ông Phan S, do ông S đã chết năm 2019 nên những người thừa kế của ông Phan S gồm: bà Nguyễn Thị B1 và 03 người con là Phan Thiên B3, Phan Thiên R và Phan Thị Diễm M.

+ Về phương thức phân chia:

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phan B, ông Phan C, bà Phan Thị B2, bà Phan Thị N:

Giao thừa đất phần I tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6, diện tích 222,7m² (trong đó diện tích đất ở là 170m² và đất nông nghiệp có diện tích là 52,7m²), có căn nhà hiện đang do bà Nguyễn Thị B1 đang ở, tọa lạc tại Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho những người thừa kế của ông Phan S do bà Nguyễn Thị B1 đại diện nhận.

Giao thừa đất phần II tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 6, diện tích 265,3m² (trong đó diện tích đất ở là 230m² và đất nông nghiệp có diện tích là 35,3m², tọa lạc tại thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho ông Phan B, ông Phan C, bà Phan Thị B2, bà Phan Thị N do ông Phan B đại diện nhận.

Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, những người được nhận kỹ phần thừa kế có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được nhận theo quy định của pháp luật (có bản vẽ kèm theo).

4. Các ông Phan B, ông Phan C, bà Phan Thị B2, bà Phan Thị N tự nguyện tháo dỡ ngôi nhà của cụ Phan Thiên T và cụ Nguyễn Thị D và các tài sản có liên quan đến nhà cụ Phan Thiên T, cụ Nguyễn Thị D để trả lại đất cho những người thừa kế của ông Phan Sáu .2

Những người thừa kế của ông Phan S có nghĩa vụ tháo dỡ các tài sản và di chuyển các loại cây trồng có trên đất ở phần II để giao đất cho ông Phan B, ông Phan C, bà Phan Thị B2, bà Phan Thị N.

5. Các ông Phan B, ông Phan C, bà Phan Thị B2, bà Phan Thị N có nghĩa vụ thanh toán tiền giá trị cây trồng và giá trị kỹ phần ông S được hưởng về ngôi nhà cho những người thừa kế của ông Phan S là 9.767.653 đồng. Do bà Nguyễn Thị B1 đại diện nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị B1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu HĐXX cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Ý kiến của Luật sư bảo vệ và bị đơn bà Nguyễn Thị B1: yêu cầu HĐXX phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn và Nguyên đơn: Yêu cầu HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, người tham gia tố tụng là đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và còn thời hiệu theo quy định tại các điều 26, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc của di sản: là nhà và đất thuộc Thửa đất số 302, tờ bản đồ số 06, diện tích 488m² loại đất ở và đất nông nghiệp, tọa lạc tại thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (viết tắt là Thửa đất số 302) là của cụ ông Phan Thiên T và cụ bà Nguyễn Thị D.

[2.2]. Quá trình sử dụng nhà đất, năm 2001, ông Phan S là con trai của hai cụ Phan Thiên T và Nguyễn Thị D đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) và đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện P cấp GCNQSD đất số R 072426 ngày 31/5/2002 cho ông Phan S, bà Nguyễn Thị B1 tại Thửa đất số 302. Năm 2019, ông Phan S qua đời. Ngày 31/3/2022, UBND huyện P có chỉnh lý và đã hoàn tất thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1.

[2.3]. Đối với Giấy giao quyền sử dụng đất được lập ngày 15/12/1992 của cụ Phan Thiên T và cụ Nguyễn Thị D thể hiện: “... *quyền sử dụng cho ông Phan S như nhà vách, ngôi, chuồng heo xây, bể nước đất vườn với diện tích 500m². Đồng thời lúc vợ chồng ông T, bà D quá vãng đồ dùng vật dụng trong nhà đất đều cho con út là Phan S đến đời con cháu về sau của Phan S với điều kiện không được bán đất vườn. Phần còn lại là nhà lớn chỉ để dùng làm nơi thờ tự. Khu nhà đất này tọa lạc tại: A, P, P, Thừa Thiên H2. Vậy gia đình chúng tôi viết giấy này nhờ UB chứng nhận để làm vi bằng tránh sự xâm phạm tranh chấp về sau*”. Xét, nội dung Giấy giao quyền sử dụng này chỉ giao cho ông Phan S quyền sử dụng chứ chưa giao quyền sở hữu nhà, tài sản khác trên đất cũng như quyền sử dụng đất và chưa được chứng thực của Ủy ban theo ý chí của cụ Phan Thiên T và cụ Nguyễn Thị D.

[2.4]. Xét Giấy giao quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D lập ngày 20/9/2004, được UBND xã P chứng thực vào ngày 30/9/2004. Về tài sản này thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ Phan Thiên T và cụ Nguyễn Thị D. Do cụ Phan Thiên T chết vào ngày 10/11/1994 nên phần di sản của cụ Phan Thiên T

chưa được xem xét nên cụ Nguyễn Thị D tự định đoạt toàn bộ khối tài sản của vợ chồng hai cụ là không đúng theo quy định của pháp luật về tài sản chung vợ chồng. Mặt khác, GCNQSDĐ đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông S, bà B1 vào năm 2002; về mặt giấy tờ pháp lý thì vào ngày 20/9/2004, tài sản là nhà, đất thuộc Thửa đất số 302 đã thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng ông S, bà B1. Do đó, Giấy giao quyền sử dụng đất này không có giá trị.

[2.5]. Tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: năm 2001 ông Phan S làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nguồn gốc đất do cha mẹ để lại. Cụ ông Phan Thiên Thị m năm 1994, cụ bà Nguyễn Thị D mất năm 2010 nhưng trong Hồ sơ cấp GCNQSD đất không có văn bản xác định thừa kế của cụ Phan Thiên T, cũng không có văn bản tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Sáu. Theo đó, cho thấy rằng UBND huyện P đã không xác minh đầy đủ về nguồn gốc sử dụng đất mà đã cấp cho ông Phan S, bà Nguyễn Thị B1 là không đúng quy định pháp luật đất đai.

[2.6]. Với các phân tích chứng cứ nêu trên thì có đủ căn cứ để xác định nhà đất tại Thửa đất số 302 là di sản của cụ Phan T và cụ Nguyễn Thị D chưa được chia. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 072426 ngày 31/5/2002 đã cấp cho ông Phan S, bà Nguyễn Thị B1 và không chấp nhận việc xác định thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 31/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P là có cơ sở.

[2.7]. Về giá trị di sản: Theo biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2023, giá trị Thửa đất số 302: 2.928.000.000 đồng; giá trị nhà số A - nhà cấp 4 không có khu phụ chất lượng còn lại 10%: 32.022.367 đồng; giá trị nhà số B - nhà cấp 4, 1 tầng, có khu phụ, chất lượng còn lại 50%: 82.177.215 đồng; công trình am thờ, giá trị còn lại là 1.271.123 đồng; giá trị cây trồng trên thửa đất: 3.363.180 đồng.

[2.8]. Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Phan T và cụ Nguyễn Thị D: ông bà có tất cả là 06 người con chung, chết một người năm 1969 khi chưa lập gia đình là bà Phan Thị D1, còn lại 5 người gồm các ông bà: ông Phan B sinh năm 1950; bà Phan Thị B2, sinh năm 1954; ông Phan C, sinh năm 1957; bà Phan Thị N, sinh năm 1963; ông Phan S, đã chết năm 2019, những người thừa kế của ông Phan S gồm: Bà Nguyễn Thị B1 và 03 người con là Phan Thiên B3, Phan Thiên R và Phan Thị Diễm M.

[2.9] Tòa án cấp sơ thẩm xét công sức trong việc quản lý, giữ gìn, tôn tạo Thửa đất số 302 của bà Nguyễn Thị B1 cùng các cháu nội là Phan Thiên B3; Phan Thiên R và Phan Thị Diễm M nên trích 5% tổng giá trị di sản là phù hợp.

[2.10]. Về phân chia di sản thừa kế:

[2.10.1]. Về ngôi nhà giá trị không đáng kể nên các đương sự không yêu cầu chia. Tuy nhiên đây là di sản để lại của bố mẹ ông S nên cần buộc ông B,

ông C, bà B2, bà N thanh toán lại cho những người thừa kế của ông Phan S số tiền 32.022.367 đồng : 5 kỳ phần = 6.404.473 đồng.

[2.10.2]. Về giá trị quyền sử dụng đất của Thửa đất số 302 có tổng giá trị tài sản tranh chấp là 2.928.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm hai mươi tám triệu đồng). Trích 5% giá trị công tôn tạo cho gia đình bà B1 là 2.928.000.000 đồng x 5% = 146.400.000 đồng. Giá trị còn lại là: (2.928.000.000 đồng - 146.400.000 đồng) = 2.781.600.000 đồng. Kỳ phần được chia theo giá trị là: 2.781.600.000 đồng : 5 = 556.320.000 đồng. Phần của những người thừa kế của ông S là: 556.320.000 đồng + 146.400.000 đồng + 6.404.473 đồng = 709.124.473 đồng.

[2.11]. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự ông Phan B, Phan C, bà Phan Thị B2 và Phan Thị N chỉ nhận quyền sử dụng đất và gộp lại để làm nhà thờ tự, giao cho ông Phan B đại diện đứng tên, phần còn lại giao cho những người thừa kế của ông Phan Sáu sở h, sử dụng là phù hợp. Cụ thể:

[2.11.1]. Đối với di sản là quyền sử dụng đất:

Phần I có diện tích 222,7m² (trong đó đất ở 170m², đất nông nghiệp 52,7m²) có giá trị là: 1.336.200.000 đồng, giao cho những người thừa kế của ông Phan S do bà Nguyễn Thị B1 đại diện nhận;

Phần II là phần còn lại có diện tích 265,3m² (trong đó đất ở 230m², đất nông nghiệp 35,3m²) có giá trị là: 1.591.800.000 đồng, giao cho ông B, ông C, bà B2, bà N do ông B đại diện nhận. Các ông B, ông C, bà B2, bà N tự nguyện tháo dỡ phần kết cấu vật liệu thành ngôi nhà và các tài sản có liên quan đến ngôi nhà của cụ Phan Thiên T, cụ Nguyễn Thị D trên đất đã giao cho những người thừa kế của ông S (Có bản vẽ kèm theo).

[2.11.2]. Đối với tài sản là nhà: nhà vị trí số 1, nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế của ông Phan S với số tiền 6.404.473 đồng; nhà vị trí số 2 do bà Nguyễn Thị B1 xây dựng năm 2010, bà B1 và các con là Phan Thiên B3, Phan Thiên R và Phan Thị Diễm M tiếp tục quản lý sử dụng. Đối với cây cối trên đất ông B, ông C, bà B2, bà N đều tự nguyện thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền: 3.363.180 đồng. Như vậy, các ông B, ông C, bà B2, bà N có trách nhiệm thanh toán cho những người thừa kế của ông Phan S với tổng số tiền là: 3.363.180 đồng + 6.404.473 đồng = 9.767.653 đồng.

[3] Từ các phân tích nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị B1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà B1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[4]. Chấp nhận phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà B1 phải chịu theo quy định pháp luật do bác kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B1 về yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị B1 phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0058 ngày 27/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung